

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại Công ty Cổ phần GreatWood

Thực hiện Quyết định số 355/QĐ-TTr ngày 22/8/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 13/9/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) tại Công ty Cổ phần GreatWood.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 9/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng lao động: Công ty Cổ phần GreatWood (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Trụ sở chính: thôn Ngọc Thành, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Số điện thoại liên hệ: 02056278686.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900830120 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 21/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/3/2023.
- Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính: sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.
- Tài khoản số 118619548888 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý, sử dụng lao động và đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

1.1. Tình hình quản lý, sử dụng lao động

- Tổng số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động tại thời điểm thanh tra: 162 người.
- Đã giao kết hợp đồng lao động với 162/162 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn đủ 24 tháng: 04 người.
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 158 người.
- Số lao động là người nước ngoài: 04 người (đã được cấp giấy phép lao động).

- Số lao động bị mất việc làm từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 134 người (không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc).

- Doanh nghiệp đã lập, cập nhật sổ quản lý lao động đầy đủ nội dung; xuất trình sổ quản lý lao động với Đoàn thanh tra.

- Đã báo cáo tình hình thay đổi lao động 06 tháng, hằng năm gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi đặt trụ sở, nhưng chưa thông báo tình hình thay đổi lao động đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Hợp đồng lao động ghi chưa cụ thể: mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân ghi “theo quy định của pháp luật”.

1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

a) Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho người lao động:

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 162 người.

- Số lao động đã tham gia BHXH, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 162 người.

- Số lao động thuộc đối tượng tham gia BHTN: 158 người.

- Số lao động đã tham gia BHTN: 158 người.

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN nhưng chưa tham gia: 0 người.

b) Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

c) Việc niêm yết công khai:

- Đã thực hiện niêm yết công khai 01 năm/lần thông tin đóng bảo hiểm xã hội của người lao động do cơ quan BHXH cung cấp, hình thức công khai: niêm yết trên bảng tin của doanh nghiệp.

- Chưa thực hiện định kỳ niêm yết công khai 06 tháng 01 lần thông tin đóng BHXH của người lao động.

2. Tiền lương và việc trích nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

2.1. Tiền lương

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.480.000 đồng/tháng (không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định).

- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: không.

- Các khoản bổ sung khác được trả hàng tháng vào lương cho người lao động: không.

- Các khoản hỗ trợ: ăn trưa, xăng xe, điện thoại, nuôi con nhỏ, chuyên cần.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Việc trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật: không phát sinh.

2.2. Việc trích BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN từ tiền lương của người lao động

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN gồm: mức lương thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động.

- Các khoản không trích nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN bao gồm: các khoản hỗ trợ (ăn trưa, xăng xe, điện thoại, nuôi con nhỏ, chuyên cần).

- Kiểm tra bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, dữ liệu tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN của doanh nghiệp có 02 trường hợp nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày trở lên trong tháng nhưng doanh nghiệp vẫn đóng, cụ thể: bà Nông Thị Mơ (tháng 3/2022 nghỉ 16 ngày), bà Hoàng Thị Tuyết (tháng 5/2022 nghỉ 14 ngày).

3. Việc nộp BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

- Số tiền phải đóng trong thời kỳ thanh tra: 4.855.141.100 đồng.

- Số tiền đã đóng trong thời kỳ thanh tra: 4.855.141.100 đồng.

- Số tiền chậm đóng tại thời điểm thanh tra: không.

- Số tiền xử phạt vi phạm hành chính do chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: không phát sinh.

4. Việc giải quyết các chế độ BHXH đối với người lao động

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị và được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 262 người với tổng số tiền: 189.199.200 đồng, trong đó:

+ Chế độ ốm đau: 259 người với tổng số tiền: 183.759.200 đồng;

+ Chế độ thai sản: 02 người với tổng số tiền: 3.205.000 đồng;

+ Chế độ dưỡng sức: 01 người với tổng số tiền: 2.235.000 đồng;

- Số tiền hưởng các chế độ BHXH của người lao động đã được cơ quan BHXH giải quyết nhưng doanh nghiệp chưa chi trả: 0 đồng.

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị nhưng không được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 0 người.

- Số lao động đủ điều kiện hưởng các chế độ BHXH nhưng doanh nghiệp chưa lập hồ sơ đề nghị cơ quan BHXH giải quyết: 0 người.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản đối với 100% người lao động thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản.

1.2. Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

1.3. Sử dụng 04 lao động là người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động.

1.4. Đã báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm tình hình thay đổi lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương.

1.5. Đã đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.6. Đã niêm yết công khai 01 năm/lần thông tin đóng BHXH của người lao động do cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp.

1.7. Trả lương cho người lao động với mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định.

1.8. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.9. Doanh nghiệp không chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN.

1.10. Đã thực hiện trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị hưởng các chế độ BHXH gửi cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động đến cơ quan BHXH cấp huyện nơi đặt trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Hợp đồng lao động ghi chưa cụ thể: mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân ghi “theo quy định của pháp luật” là chưa đúng theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Chưa định kỳ niêm yết công khai 06 tháng thông tin về đóng BHXH cho người lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

2.4. Đóng BHXH, BHYT, BHTN và BHTNLĐ - BNN cho 02 người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày trở lên trong tháng (bà Nông Thị Mơ không làm việc và không hưởng lương 16 ngày tháng 3 năm 2022, bà Hoàng Thị Tuyết không làm việc, không hưởng lương 14 ngày tháng 5 năm 2022) là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục các sai phạm số 2.1 và 2.3 khi có phát sinh.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Mục 2 Phần III và báo cáo bằng văn bản kết quả khắc phục (kèm theo tài liệu chứng minh), gửi đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn (để biết);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

